TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **100** /2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2025/TLST-HN ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông P, sinh năm: 1987;
Địa chỉ: Số A Lô Y, Cư xá T, phường B , Thành phố Hồ Chí Minh.

- Và bà V, sinh năm: 1986;
Địa chỉ: Số S đường N, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông P, sinh năm: 198x và bà V, sinh năm: 1986 thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 159/201x, quyển số 02/201x do UBND Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 11 năm 2012).

- Về con chung: Ông P và bà V có 01 con chung là trẻ H, giới tính: Nữ, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2015. Ông P và bà V thỏa thuận giao trẻ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, ông P cấp dưỡng số tiền nuôi con chung là 10.000.000 (Mười triệu) đồng mỗi tháng vào ngày 15 dương lịch hành tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2025 cho đến khi trẻ H đủ 18 tuổi.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Ông P và bà V tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng: Ông P và bà V không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Số tiền 300.000 (ba trăm nghìn đồng), ông P và bà V cùng chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0005327 ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P và bà V đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – TPHCM;
- Thi hành án dân sự Khu vực 1 – TPHCM;
- UBND phường B, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (15 bản).

THẨM PHÁN

Lê Phan Duy Thịnh